TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/KDTM-ST
Ngày: 25/7/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nữ;

Ông Ngô Văn Đơn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Cao Viết Xuân Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Diệp Ngọc Dinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2023/TLST-KDTM ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH S.

Trụ sở: số G đường N, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. Địa chỉ: số A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH X.

Trụ sở: số A đường T, khu dân cư C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Hồng Q; chức danh: Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/9/2023, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty S) là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Khoảng tháng 10/2018, Công ty TNHH X (sau đây gọi tắt là Công ty X) do ông Lê Hồng Q là người đại diện theo pháp luật có thỏa thuận mua bán với Công ty S, sản phẩm là tôn, xà gồ, kẽm. Đến tháng 11/2018, Công ty S có gửi hợp đồng mua bán cho Công ty X ký nhưng sau đó Công ty X giữ luôn hợp đồng, không gửi lại cho Công ty S.

Thực hiện hợp đồng, Công ty S đã cung cấp hàng hóa cho Công ty X. Tuy nhiên, từ tháng 12/2019 Công ty X có nhiều vi phạm trong việc thanh toán tiền mua hàng nên Công ty S ngưng bán hàng cho Công ty X. Đến ngày 20/12/2019, ông Lê Hồng Q là Giám đốc Công ty X có xác nhận cam kết trả nợ cho Công ty S. Nội dung xác nhận còn nợ Công ty S số tiền 163.402.889 đồng và cam kết trong 30 ngày thanh toán 50.000.000 đồng, số tiền còn lại mỗi tháng trả 20.000.000 đồng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Thời hạn thanh toán dự kiến từ tháng 12/2019 cho đến tháng 6/2020.

Thực hiện cam kết, Công ty X đã trả được 81.559.9150 đồng, cụ thể: 20/01/2020 trả 20.000.000 đồng; ngày 07/5/2020 trả 10.000.000 đồng; ngày 07/5/2021 trả 20.000.000 đồng; ngày 28/01/2022 trả 11.559.915 đồng; ngày 13/10/2023 trả 20.000.000 đồng.

Việc Công ty X không trả tiền mua hàng còn nợ làm ảnh hưởng đến Công ty S. Do đó, nay Công ty S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH X phải trả số tiền còn nợ là 81.842.974 đồng (tám mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi bốn đồng).

- Buộc Công ty TNHH X phải trả thêm tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày 01/7/2023 theo lãi suất quá hạn 10%/năm tương ứng số tiền 28.645.040 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi 110.488.013 đồng (một trăm mười triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn không trăm mười ba đồng).

Tại phiên toà:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt, giữ nguyên yêu cầu thanh toán tiền gốc, xin rút một phần yêu cầu khởi kiện tiền lãi.

Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tốngđạt hợp lệ được các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty X tại địa chỉ số A T, khu dân cư C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bị đơn nhận được các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không gửi văn bản trình bày ý kiến nên Toà án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Căn cứ công văn số 455/ĐKKD ngày 01/4/2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh B xác định Công ty TNHH X vẫn còn hoạt động tại địa chỉ trên, người đại diện theo pháp luật là ông Lê Hồng Q, chức danh: Tổng giám đốc. Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án; xác định tư cách tham gia tố tụng; giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thu thập tài liệu chứng cứ; tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên

đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 81.842.974 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền gốc là có căn cứ chấp nhận. Đối với phần yêu cầu tiền lãi nguyên đơn đã rút tại phiên tòa nên cần đình chỉ đối với yêu cầu đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử. nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty S khởi kiện Công ty X yêu cầu trả số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ hoạt động kinh doanh của hai công ty nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa". Bị đơn Công ty X có trụ sở tại phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo quy theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên toà: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền mua hàng còn nợ là 81.842.000 đồng: Mặc dù nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng mua bán hàng hóa tuy nhiên nguyên đơn có cung cấp được bản xác nhận công nợ ngày 01/4/2019 có chữ ký, đóng dấu xác nhận của bên mua là ông Lê Hồng Q, đại diện Công ty X và bên bán là bà Hoàng Thị L (PGĐ) đại diện cho Công ty S, công nợ xác nhận là 187.452.898 đồng và bản chi tiết công nợ phải thu từ ngày 27/12/2018 đến ngày 31/12/2019 số tiền còn nợ là 163.402.889 đồng, có xác nhận ngày 20/12/2019 của ông Lê Hồng Q và đóng dấu Công ty X với nội dung "*Trong vòng 30 ngày Công ty X thanh toán trước 50.000.000 đồng, phần còn lại mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến hết số công nợ*". Trong thời gian từ 20/01/2020 đến ngày 13/10/2023 nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã thanh toán nhiều lần tổng số tiền 81.559.915 đồng, hiện còn nợ lại 81.842.974 đồng. Đối chiếu các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp là phù hợp. Bị đơn không tham gia tố tụng cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh đã thanh toán cho nguyên đơn. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu của nguyên đơn về việc thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu là 81.842.974 đồng có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán: Tại phiên toà, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi. Xét, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét ý kiến phát biểu Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại 2005.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S đối với Công ty TNHH X về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc Công ty TNHH X có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền 81.842.974 đồng (tám mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi bốn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S đối với phần tiền lãi đã rút là 28.645.040 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm bốn mươi đồng.

3. Về án phí:

Nguyên đơn Công ty TNHH S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH S tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0000513 ngày 29/11/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Buộc bị đơn Công ty TNHH X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.092.149 đồng (bốn triệu không trăm chín mươi hai nghìn một trăm bốn mươi chín đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Ngân